

# PHONG TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI QUYỀN TỰ DO VÀ BÌNH ĐẲNG CỦA NGƯỜI NÔ LỆ DA ĐEN Ở MỸ

TRẦN BÁCH HIẾU\*

Có thể nói, chế độ nô lệ là một vết đen trong lịch sử nhân loại. Ngay tại Mỹ - quốc gia luôn tự coi mình là quốc gia của văn minh, dân chủ, tiến bộ, yêu chuộng tự do và bình đẳng nhưng lại là quốc gia có chế độ chiếm hữu nô lệ tồn tại lâu dài và dai dẳng thuộc hàng nhất nhì thế giới. Song, cũng chính ở Mỹ, những phong trào phê phán đối với chế độ nô lệ cũng diễn ra đanh thép nhất, không chỉ ở chỗ phê phán những hành vi đơn lẻ của các chủ nô với nô lệ, mà còn phê phán và đấu tranh quyết liệt chống lại sự vi phạm cơ bản của chế độ đối với quyền tự do và bình đẳng của con người.

## 1. Nguồn gốc của người nô lệ ở Mỹ

Căn nguyên của phong trào giải phóng nô lệ ở Mỹ bắt nguồn từ chính xuất xứ của người nô lệ. Đầu thế kỷ XVI, giới thương nhân trung lưu ở Anh rất đông đảo, họ đã thành lập các công ty cổ phần hữu hạn và có đủ thế lực để phát triển ra hải ngoại. Một lý do khiến người dân Anh di tản ra nước ngoài trong thời kỳ này là họ cần tìm một lối thoát cho việc mưu sinh do xã hội Anh lúc này dân số quá đông đúc. Hơn nữa, sau cuộc cải cách tôn giáo của Martin Luther<sup>1</sup> ở nước Anh xuất hiện một nhóm tín đồ Thanh giáo (tức đạo Cơ đốc) đang muốn vượt ra khỏi sự kiểm chế của giáo hội Công giáo Anh do Nhà nước quản lý nên đã đua nhau chạy ra ngoại quốc.

Năm 1620, một chiếc tàu mang tên “Hoa tháng năm” (May Flower) sau 65 ngày lên đênh trên biển đã đến vùng New England của châu Mỹ. Tất cả có 102 người Thanh giáo Anh. Trước khi lên bờ, 41 người đàn ông trên thuyền đã khởi thảo và ký kết một bản “Khế ước Hoa tháng năm” (May Flower Compact) vào ngày 21/11/1620 để hợp pháp hoá sự ràng buộc giữa những người nhập cư mới đến. Nhưng do phải trải qua mùa đông lạnh giá khắc nghiệt trên biển và bệnh tật, năm 1621, con số 102 người chỉ còn sống sót 44 người. Số người may mắn này khi tìm đến và định cư tại vùng đất mới đã dựa vào tờ khế ước, tiến hành việc tự trị trong vùng và công khai đặt ra pháp luật chung. Trong khi số người nói trên đang khai hoang vùng đất mới thì tại Anh, việc thanh trừng, hãm hại những tín đồ Thanh giáo diễn ra ngày càng quyết liệt dẫn đến làn sóng “đại di

\* Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

<sup>1</sup> Martin Luther (1483-1546) là nhà thần học người Đức, tu sĩ dòng Augustine, và là nhà cải cách tôn giáo. Trong bối cảnh Tây Âu thời Trung Cổ với sự hiệp nhất chặt chẽ giữa Giáo hội Công giáo với các nhà cầm quyền thế tục, sự kiện học thuyết Luther về các quyền tự do cá nhân được phổ biến rộng rãi và giành được sự ủng hộ tích cực được xem là một hiện tượng chưa từng xảy ra. Tư tưởng của Luther ảnh hưởng sâu đậm đến nền thần học của các giáo hội thuộc cộng đồng Kháng cách, cũng như các truyền thống Cơ đốc giáo khác. Nỗ lực của ông nhằm kêu gọi giáo hội trở về với sự dạy dỗ của Kinh Thánh đã dẫn đến sự hình thành những trào lưu mới trong Cơ đốc giáo. Xem: Encarta 2007.

dân” của các tín đồ Thanh giáo. Từ năm 1629-1640 có tới 75.000 nạn dân trốn khỏi Anh, trong số này chỉ có 1/3 đến vùng Bắc Mỹ. Vào thập niên 40 của thế kỷ XVII, tại Anh đã xảy ra cuộc nổi loạn, kết quả là vua Charles I bị chém đầu. Những người chạy theo nhà vua đã đến vùng đất Virginia và mang theo tính cách quý tộc của mình. Vì có nhiều tiền bạc, họ đã mua một số lớn đất đai trong vùng và những trang trại lớn từ đó bắt đầu xuất hiện. Trong khi đó, nhiều người di dân khác đều thuộc thành phần nghèo khó. Trong giai đoạn đầu khai phá vùng đất mới, họ đã sống một cuộc sống hết sức cơ cực: nhà gỗ trống trơn, chăn không đủ đắp, bệnh tật mà không có thuốc men... Hoàn cảnh khốn khó của họ là kết quả của những tháng ngày khó khăn trên biển, thậm chí nhiều người rời khỏi châu Âu chưa đến đất Mỹ đã chết dọc đường. Cho dù họ không chết dọc đường mà đến được đất Mỹ, họ cũng không có đủ tiền để thanh toán tiền tàu và do đó họ trở thành *nô lệ*. Trong khi đó, những chủ trang trại giàu có đang cần sức lao động, họ thường tìm đến bến tàu để mua nô lệ. Khi gặp ai không đủ tiền trả tiền tàu, họ trả thay và mang người ấy về trang trại làm việc như một nô lệ. Mồ hôi và máu của những người nô lệ bắt đầc dĩ này đã tưới xuống mảnh đất của các chủ trang trại để tạo ra nông sản. Nhưng những người da trắng làm việc theo phương thức nô lệ này, dù ngắn hay dài cũng chỉ là trong một thời gian nhất định. Sau khi họ làm việc và thanh toán xong cả vốn lẫn lãi số tiền mà chủ trang trại đã trả tiền tàu cho họ, thì họ sẽ trở thành người lao động tự do. Chính vì thế mà các chủ trang trại phải hướng về châu Phi để tìm nguồn lao động lâu dài cho mình. Giữa thế kỷ XVII, XVIII, XIX đã xuất hiện một nghề mới hái ra tiền: Nghề buôn bán nô lệ. Những người lái buôn nô lệ liên tục vận chuyển người da đen - những người do họ dụ dỗ được hay dùng vũ lực bắt ép từ châu Phi chở sang châu Mỹ để bán cho các chủ trang trại.

Tính đến năm 1750, tại khắp các vùng thuộc địa ở châu Mỹ có tất cả 250.000 người nô lệ suốt đời (những người làm nô lệ có tính cha truyền con nối. Khi người mẹ làm nô lệ sinh con ra thì con cũng là nô lệ) từ châu Phi được đưa sang. Năm 1776, Mỹ đã ban hành “Bản tuyên ngôn nhân quyền” (Bill of Rights) có ý nghĩa sâu xa không chỉ với nước Mỹ mà với cả nhân loại. Trong Bản tuyên ngôn có câu “tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ cái quyền tất yếu và không ai có thể xâm phạm được, trong đó có quyền sống, quyền được tự do và mưu cầu hạnh phúc”. Nhưng vấn đề quyền tự do, bình đẳng ấy liệu có thuộc về những người nô lệ da đen? Cuộc tranh luận này đã kéo dài trong xã hội Mỹ suốt 4 năm nhưng vấn đề nô lệ vẫn không được giải quyết một cách cụ thể, rõ ràng. Khi Andrew Jackson nhậm chức Tổng thống thứ 7 của nước Mỹ năm 1829, ông đã nêu cao khẩu hiệu “chính trị dân chủ” và rằng “mọi người đều có cơ hội bình đẳng như nhau”, điều này đánh dấu không khí chính trị ở Mỹ đã có một sự chuyển hướng rõ rệt. Cho dù lúc này chưa thể nói toàn dân có quyền bầu cử vì người da đen và phụ nữ vẫn chưa được quyền đi bầu nhưng tối thiểu thì tất cả những người đàn ông da trắng đều có quyền bỏ phiếu như nhau, xóa được ranh giới giữa người giàu và người nghèo. Tuy nhiên lập tức trong xã hội xuất hiện hiệu ứng dây chuyền trong tranh luận về quyền phổ thông bầu cử rằng người đàn ông có được quyền đi bầu, vậy tại sao người phụ nữ không thể có? Người da trắng có được, vậy tại sao người da đen không thể có? Tất cả

những nghi vấn này đã hình thành một xu thế lớn tự nhiên, vì thế vào năm 1884 trong Đại hội phụ nữ đầu tiên được tiến hành tại New York, những người phụ nữ đã đấu tranh cho quyền bỏ phiếu của giới mình và người nô lệ da đen.

## 2. Người nô lệ da đen trong lịch sử Mỹ

Nô lệ là một thứ tài sản được mua đi bán lại và chủ nô có toàn quyền thưởng phạt đối với nô lệ. Các lái buôn thường dẫn hàng chục, hàng trăm nô lệ từ miền duyên hải phía Tây Phi (từ Senegal xuống Angola ngày nay) đến các chợ nô lệ để bán đấu giá. Người bị bán làm nô lệ bị các chủ mua đóng dấu bằng sắt nung đỏ vào ngực để dễ phân loại. Trong cuộc hành trình tới Mỹ, nô lệ bị cùm chân, xích tay và nhốt dưới hầm tàu thủy trong tình trạng vệ sinh ghê tởm, cho nên một số lớn bị chết dọc đường và họ bị ném xác xuống dưới biển. Nô lệ không có quyền gì và con cái họ không được đi học. Họ cũng không có cuộc sống gia đình ổn định, bởi một khi người vợ hoặc chồng hoặc con cái họ bị đem bán cho chủ nô khác thì cuộc sống gia đình họ coi như bị tan rã. Những nô lệ da đen một nửa phải làm việc ngoài đồng ruộng, một nửa phải làm trong các nhà máy sắt, thép, dệt và thuốc lá. Nô lệ làm việc từ rạng đông đến chiều tối, khoảng 16 giờ mỗi ngày. Ở các bang miền Nam có những nô lệ phải cật lực hái bông cho đủ số lượng mà chủ nô giao. Chiều tối, chủ nô cân số bông hái trong ngày, người nào hái không đủ chỉ tiêu sẽ bị phạt. Người nô lệ bị phạt phải nằm sấp, để lưng trần và bị đánh bằng roi da, từ 10-15 roi tùy tội nặng hay nhẹ.

Trước những đòi hỏi bất công và thô bạo kéo dài của những người chủ trang trại, những nô lệ da đen đã có nhiều hình thức chống lại chủ nô, nhưng phổ biến nhất là bỏ trốn. Người nô lệ chẳng những bỏ trốn từ miền Nam ra miền Bắc mà còn vượt biên đến tận Canada mới được an toàn. Lý do là, Hiến pháp Mỹ cho phép chủ nô có quyền đến các tiểu bang phía Bắc để lùng kiếm nô lệ da đen bỏ trốn. Nếu tìm thấy và bị bắt về, những người nô lệ da đen sẽ bị chủ nô mang ra trước đám đông đánh đến chết để răn đe hay bằng hình phạt dã man khác như xẻo từng mảng thịt. Vì thế, những người da đen tới Canada vào năm 1800 chỉ có 4.000 người thì tới năm 1850 đã là 55.000 người. Mặt khác, bản thân người nô lệ da đen cũng biết rằng nếu bị bắt về thì sẽ bị đối xử tàn nhẫn, vì vậy, nếu thấy không thể bỏ trốn được, họ cũng không để chủ nô bắt sống bằng cách trước tiên giết chết vợ, con mình, rồi tự sát chết theo.

## 3. Những người đấu tranh chống chế độ nô lệ ở Mỹ

Mọi sự ngược đãi, sát hại nô lệ da đen đã dẫn đến hành động chống chủ nô ngày càng lớn cũng như tạo thế cho các tổ chức chống chế độ nô lệ ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn, đặc biệt là người miền Bắc, họ tuyên bố rằng sự chiếm hữu nô lệ là “một phong tục cổ hữu”. Một phong trào chống chế độ nô lệ đã sớm giành được thắng lợi vào năm 1808 khi Quốc hội bãi bỏ việc buôn bán nô lệ với châu Phi. Sau đó, phong trào bãi nô xuất hiện vào đầu những năm 1830, mang tính chiến đấu mạnh mẽ, kiên quyết, nhấn mạnh việc chấm dứt chế độ nô lệ. William Cloyd Garrison (bang Massachusetts), người lãnh đạo phong trào này, ngày 1/1/1831, đã phát biểu trong tờ báo “Người giải phóng” của mình: “Tôi sẽ chiến đấu kiên cường vì sự nghiệp ban quyền công dân ngay lập tức

cho quần chúng nô lệ của chúng ta...”<sup>2</sup> Ông đã cố gắng duy trì sự chú ý của công chúng tới những khía cạnh ghê tởm nhất của chế độ nô lệ và đòi hỏi phải trừng phạt những kẻ chiếm hữu nô lệ - những tên chuyên tra tấn và buôn bán cuộc sống con người một cách phi đạo đức.

Sự vận động của ông đã nhận được sự đồng tình, giúp đỡ của nhiều người trong xã hội đối với những người nô lệ da đen bỏ trốn. Những người này biết được thảm cảnh của những người nô lệ da đen bỏ trốn, đã tìm mọi cách giúp đỡ và che giấu họ. Đồng thời họ tổ chức thành những đường dây để chuyển người nô lệ da đen đến trạm khác xa hơn. Những đường dây bí mật do họ tổ chức không bao lâu thành những con đường chuyển người da đen khắp mọi nơi. Từ năm 1840-1860, “những con đường bí mật” này đã phát triển nhanh chóng và việc chủ nô đi lùng kiếm những người nô lệ da đen đã gặp khó khăn. Chỉ riêng ở Ohio, người ta ước tính từ năm 1830-1860 có không dưới 40.000 nô lệ bỏ trốn đã được giúp đỡ và tìm được tự do<sup>3</sup>. Phong trào chống chế độ nô lệ da đen đã phát triển không ngừng và cũng đã đạt được một số kết quả. Đến năm 1849, khi thảo luận vấn đề những tiểu bang mới xin gia nhập liên bang thì bao giờ thế lực của những người nuôi nô lệ da đen luôn thắng thế. Sau một thời gian tranh cãi, tháng 8/1850, Quốc hội Mỹ đã thông qua luật quyết định sáp nhập hai tiểu bang California và Texas vào liên bang nhưng chỉ cho bang Texas nuôi nô lệ da đen còn cấm bang California. Ngoài ra Quốc hội còn thông qua luật khác là cấm không được mua bán nô lệ da đen tại thủ đô Washington. Nhưng ngay sau đó, Quốc hội lại thông qua “luật về nô lệ da đen bỏ trốn” rất thậm tệ, cho phép chính phủ liên bang có trách nhiệm tìm bắt những người nô lệ da đen miền Nam bỏ trốn ra miền Bắc để trả lại cho chủ nô. Sau khi Luật này được thông qua, tình hình nô lệ da đen bỏ trốn hoàn toàn thay đổi hẳn, có thể nói hết sức bất lợi cho những người nô lệ. Vì nếu như trước kia việc tìm bắt họ chỉ là chuyện riêng của chủ nô thì nay trở thành trách nhiệm của chính quyền liên bang. Tháng 4/1851, chính quyền liên bang dùng 300 sĩ quan áp giải số nô lệ da đen ở tiểu bang Georgia bỏ trốn bị bắt được ở Boston xuống tàu để trả họ về phía Nam. Dân chúng thành phố này đã bàn tán xôn xao và rất bất bình với hành động của chủ nô. Bấy giờ có một người phụ nữ da trắng là bà Harriet Beecher Stowe do quá bất bình với bộ luật về nô lệ chạy trốn và cũng xuất phát từ lòng trọng nghĩa, đã viết cuốn tiểu thuyết “Túp lều Bác Tom” (xuất bản 3/1852) gây chấn động toàn nước Mỹ được bán rộng rãi khắp thế giới. Đến Trung Quốc, tác phẩm này được dịch và lấy tên “Tiếng kêu trời của nô lệ da đen”. “Túp lều bác Tom” đã khắc họa một bức tranh với sức mạnh tố cáo tội ác không thể chối cãi của chế độ chiếm hữu nô lệ và các cuộc xung đột căn bản giữa xã hội tự do và xã hội có nô lệ. Với đạo luật “Về người nô lệ da đen bỏ trốn” cũng như tác phẩm văn học “Túp lều bác Tom”, từ hai mặt chính và phản diện đã gây ra một chấn động không nhỏ trong lương tri của thế hệ những người bầu cử trẻ tuổi miền Bắc về chế độ nô lệ vẫn còn tồn

<sup>2</sup> Khái quát về lịch sử nước Mỹ, [http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc\\_ushistory\\_6.html](http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc_ushistory_6.html).

<sup>3</sup> Howard Cincotta: *Khái quát về lịch sử nước Mỹ (An Outline of American History)*- Nguyễn Chính và Cao Xuân Biên – dịch và hiệu đính, Nxb. CTQG. Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2000, tr.181.

tại trong xã hội Mỹ. Nó đã kích động lòng nhiệt tình của động cơ đấu tranh chống chế độ nô lệ<sup>4</sup>. Những nhân vật nổi tiếng gắn liền với chủ nghĩa bãi nô ở Mỹ thời bấy giờ tiêu biểu gồm Abraham Lincoln, John Mercer Langston và Martin Luther King. Đầu tiên là Abraham Lincoln (1809-1865), Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ (1861-1865), người từng được tôn vinh là nhà cầm quyền mẫu mực của đất nước thời đại mới. Người chủ trương xóa bỏ chế độ nô lệ và lưu lại lịch sử nước Mỹ Bản tuyên ngôn giải phóng nô lệ, người lãnh đạo dân Bắc Mỹ chấm dứt cảnh nội chiến tàn để thống nhất nước Mỹ. Thứ hai là John Mercer Langston (1829-1897), nhà ngoại giao, luật sư, học giả người Mỹ, và là người Mỹ da đen đầu tiên được bầu vào Quốc hội Hoa Kỳ. Langston theo học tại trường Cao đẳng Oberlin và sau khi tốt nghiệp vào năm 1849, ông rất tích cực tham gia phong trào chống nô lệ. Thứ ba là Martin Luther King, Jr. (1929-1968) là một mục sư và là nhà hoạt động dân quyền Mỹ gốc Phi huyền thoại, đoạt giải Nobel Hòa bình năm 1964. Ông là một trong những nhà lãnh đạo có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ và trong lịch sử hiện đại của phong trào bất bạo động, được nhiều người trên khắp thế giới xem như một anh hùng, nhà kiến tạo hòa bình. Những người chống chế độ nô lệ ở Mỹ đã được ví như “những nhà cải cách hay tranh luận, tận tâm, mang tâm trạng mâu thuẫn, và có lòng đam mê mãnh liệt”<sup>5</sup>.

#### 4. Phong trào giải phóng nô lệ da đen ở Mỹ

Tổng thống thứ 16 của nước Mỹ - Abraham Lincoln từ lâu đã coi nạn chiếm hữu nô lệ là một tội ác. Trong bài diễn văn đọc tại Peoria, bang Illinois năm 1854, ông đã phát biểu rằng: Toàn bộ các cơ quan lập pháp quốc gia phải được thiết lập theo nguyên tắc mà theo đó chế độ nô lệ phải được hạn chế và cuối cùng bị phế bỏ. Tháng 5/1860, Đảng Cộng hòa đã đề cử Abraham Lincoln ra tranh cử Tổng thống và ông đã thắng cử trong cuộc bầu cử ngày 6/11 nhờ sự chia rẽ trong quan điểm giữa những người thuộc đảng Dân chủ. Các bang miền Nam còn duy trì chế độ nô lệ hiểu rất rõ ý nghĩa quan trọng của sự kiện này. Bởi trong một bài diễn văn vang dội, Lincoln đã nói rằng: “Một gia đình bị chia rẽ chống lại nhau thì không thể đứng vững được. Tôi tin rằng nhà nước này không thể chịu đựng mãi được tình trạng nửa nô lệ, nửa tự do. Tôi không muốn liên bang giải tán - Tôi không muốn gia đình sụp đổ - mà tôi mong muốn gia đình liên bang chấm dứt bị chia rẽ”<sup>6</sup>.

Cuộc giải phóng nô lệ ở Mỹ được thực hiện theo ba giai đoạn. Giai đoạn một diễn ra vào thời điểm lợi dụng tình hình có lợi của quân đội liên bang vào ngày 22/9/1862, Tổng thống Lincoln tuyên bố “giải phóng nô lệ da đen” lần đầu tiên. Ông ra lệnh cho quân đội miền Nam phải chấm dứt cuộc phản loạn vào 1/1/1863 bằng không thì “chúng tôi sẽ lấy tư cách tổng tư lệnh quân đội Mỹ để giải phóng tất cả nô lệ da đen của các

<sup>4</sup> Howard Cincotta: *Khái quát về lịch sử nước Mỹ (An Outline of American History)*- Nguyễn Chính và Cao Xuân Biên – dịch và hiệu đính, Nxb. Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2000, tr.187.

<sup>5</sup> Stanley Harrold: *American Abolitionists*, Longman, New York, 2001, Pp. 170.

<sup>6</sup> Howard Cincotta: *Khái quát về lịch sử nước Mỹ (An Outline of American History)* - Nguyễn Chính và Cao Xuân Biên - dịch và hiệu đính, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 190.

người và kể từ đó trở đi, toàn bộ nô lệ da đen sẽ trở thành người tự do”. Rõ ràng, Tổng thống Lincoln đã xác định dùng sách lược giải phóng nô lệ da đen để cứu vãn sự toàn vẹn của liên bang và với mục đích cuối cùng là trung thành với liên bang. Giai đoạn hai là công bố chính thức việc giải phóng nô lệ. Vào đúng ngày 1/1/1863, Tổng thống Lincoln đã tuyên bố “giải phóng nô lệ da đen lần 2”. Từ đó cuộc nội chiến (1861-1865) đã biến thành cuộc chiến tranh kết thúc chế độ nô lệ da đen. Vì thế người da đen ở Mỹ coi ngày 1/1/1863 là ngày 4/7 (Ngày Quốc khánh của Mỹ) thứ hai của mình và họ mở hội chúc mừng nhau vào ngày này. Giai đoạn ba là giai đoạn giải phóng toàn thể nô lệ trên toàn liên bang và đến 18/12/1865, khi Quốc hội thông qua Tu chính án thứ 13 của Hiến pháp quy định rõ: “Không có chế độ nô lệ nào, không có hình thức nô lệ cưỡng bức nào, trừ sự trừng phạt về một tội ác mà bị cáo thừa nhận là tội phạm, được tồn tại ở Hoa Kỳ hoặc ở nơi nào thuộc thẩm quyền luật pháp Hoa Kỳ...”<sup>7</sup>. Khi Tu chính án này được thông qua, cuộc nội chiến đã chính thức chấm dứt. Điều này đồng nghĩa với việc thân phận nô lệ truyền kiếp của tổ tiên người da đen kéo dài trong 246 năm đã kết thúc vào năm 1865. Nhưng năm ngày sau khi cuộc kháng cự của các bang miền Nam tan rã, Lincoln đã bị ám sát. Cái chết của ông là một bất hạnh lớn cho liên bang vì sau đó khó khăn hàng đầu là vấn đề “xây dựng lại đất nước” đã được giải quyết một cách vụng về và những sai lầm phạm phải đã để lại những hậu quả tai hại trong hơn một thế kỷ sau. Lincoln có ý định sau khi bãi bỏ chế độ nô lệ, ông sẽ bồi thường cho các chủ nô và với sự trợ giúp của những đạo luật thích hợp đảm bảo cho những người mới được giải phóng những phương tiện sinh sống trong một chế độ tự do. Nhưng những ý tưởng của ông không được thực hiện. Người kế nhiệm ông là Tổng thống Andrew Johnson cũng có những quan điểm ôn hoà và thông cảm như ông, nhưng Andrew Johnson không thể thuyết phục được đa số người Cộng hoà “cấp tiến” trong Quốc hội. Các nghị sĩ này quyết định không chế những kẻ chiến bại còn ngoan cố, dùng đến vũ lực nếu cần, áp đặt sự thống trị của chính đảng của họ ở miền Nam. Và thật ra, có một số quan điểm của Tổng thống Andrew Johnson là nhất trí với các chủ nô ở phía Nam và bênh vực họ. Đối với người da đen, ông không thừa nhận người da đen có quyền có đất đai để tự canh tác nên đã xuống lệnh cho người da đen được giải phóng phải trả tất cả những nông trại mà họ sở hữu được trong thời kỳ nội chiến cho các người chủ da trắng trước kia. Quyết định của Tổng thống làm người chủ nô da trắng ở miền Nam hết sức hài lòng nhưng lại thiếu công bằng với người da đen. Dựa vào thắng lợi đầu tiên này, bắt đầu từ tháng 11/1865 các tiểu bang được xây dựng trở lại sau nội chiến đều đua nhau quy định pháp luật để ràng buộc người da đen. Những pháp luật đó gọi là “pháp luật đen” (Black Codes quy định người da đen không được quyền mua đất, thuê đất và cấm người da đen đi vào thành phố để làm những công việc ngoài nông nghiệp. Họ phải làm nghề nông và nhất định phải ký hợp đồng với người da trắng. Khi chưa được chủ nô cho phép, họ không được tự ý bỏ vị trí, nếu không sẽ bị cảnh sát bắt lại. Với những người da đen không chịu ký vào hợp đồng thì bị gọi là “lưu dân”, hầu như đều bị bắt và tống giam

<sup>7</sup> The Thirteenth Amendment, <http://rnc.library.cornell.edu/abolitionism/thirteenth.htm>.

vào ngục. Họ có thể dùng tiền để chuộc nhưng với địa vị người “lưu dân” thì họ không biết lấy tiền ở đâu ra để chuộc mình. Trong trường hợp này, họ đành phải để một người da trắng có tiền đến chuộc họ, dẫn họ về nông trại để làm việc và trả nợ khoản tiền này. Như vậy, xã hội không cho những người Mỹ da đen lựa chọn con đường lao động thích hợp, trong hoàn cảnh nào họ cũng bị dồn vào công việc quần quanh là làm nông nghiệp, phục vụ cho người da trắng. Những người nô lệ mới được giải phóng này trong tay không có đất đai, không có nhân quyền mà chỉ là người lao động nông nghiệp, như thế họ chỉ coi bỏ được danh phận là nô lệ và chỉ được hưởng cái tiếng là người tự do suông mà thôi.

Cho tới tháng 7/1866, Quốc hội đã thông qua dự luật các quyền dân sự và thành lập một Nha nô lệ được giải phóng, với nhiệm vụ ngăn ngừa sự phân biệt chủng tộc do các cơ quan lập pháp miền Nam tiến hành. Cũng trong năm này, Quốc hội đã thông qua đề án khác, ban cho 4 triệu người da đen hưởng quyền công dân của nước Mỹ. Tổng thống Andrew Johnson một lần nữa phủ quyết đề án với lập luận: “Người da đen không có sự hiểu biết, không xứng đáng hưởng một phần “thường” lớn là quyền công dân”. Nhưng lần này, Quốc hội đã bỏ phiếu lật đổ quyền phủ quyết của Andrew Johnson. Tiếp theo việc này, Quốc hội đã thông qua Tu chính án thứ 14 của Hiến pháp để bảo vệ quyền lợi cho người da đen. Điều khoản này nói lên rằng “tất cả mọi người sinh ra và được nhập quốc tịch ở nước Mỹ và vì thế có quyền lợi pháp lý đều là công dân của Hợp chúng quốc và của các bang nơi họ cư trú”<sup>8</sup>. Khi Tu chính án được đưa ra thì những lãnh tụ ở miền Nam không hài lòng và họ từ chối thông qua. Họ được Tổng thống Andrew Johnson công khai ủng hộ. Như một hậu quả phụ của chiến tranh, các cơ quan lập pháp bang ở miền Nam đã thông qua nhiều bộ luật của người da đen nhằm mục đích phục hồi thân phận nô lệ đối với những nô lệ đã được giải phóng. Đáp lại, những nhóm công nhân ở miền Bắc đã lên tiếng ủng hộ việc can thiệp của Quốc hội để bảo vệ các quyền của người da đen ở miền Nam. Trong đạo luật tái thiết thông qua 3/1867, Quốc hội đã phớt lờ những chính phủ được thành lập ở các bang miền Nam và hai đạo luật ngày 2 và 23/3/1867 đặt các bang miền Nam vào năm khu vực chiếm đóng quân sự của miền Bắc. Việc quản lý quân sự không áp dụng với các chính phủ dân sự tuyên thệ trung thành với Tu chính án 14 và chấp nhận quyền bầu cử của người da đen. Như vậy, trong thời kỳ Tái thiết, người Mỹ gốc Phi ở miền Nam dành được quyền bầu cử và nắm giữ các chức vụ công, cũng như được hưởng một số quyền dân sự mà trước đây họ bị khước từ. Ngày 18/7/1868, Quốc hội cho thực hiện Tu chính án 14 của Hiến pháp cho phép người da đen được làm công dân của bang họ cư trú cũng như là công dân của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Tu chính án này cấm các bang công bố những đạo luật có hiệu lực cướp của bất kỳ ai mạng sống, tự do và tài sản mà không có “quyết định theo đúng thủ tục của pháp luật” (Due Process of Law). Cuộc bầu cử Tổng thống năm 1868 đã đưa tướng Grant - người anh hùng của cuộc nội chiến lên làm Tổng thống. Sau đó, Quốc hội đã bỏ

<sup>8</sup> Howard Cincotta: *Khái quát về lịch sử nước Mỹ (An Outline of American History)* - Nguyễn Chính và Cao Xuân Biên - dịch và hiệu đính, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 204.

phiếu tán thành Tu chính án thứ 15 (thông qua ngày 30/3/1870) nêu rõ quyền bầu cử của mọi công dân được luật pháp liên bang trực tiếp đảm bảo: “những quyền công dân Hợp chúng quốc về bầu cử sẽ không bị phủ nhận hay hạn chế bởi Hợp chúng quốc hay bất kỳ các bang nào vì lý do chủng tộc, màu da hay tình trạng nô lệ trước đây”<sup>9</sup>. Những nhà lập pháp liên bang đã mong những văn bản đầy thiện chí này sẽ được chính quyền các bang thực thi đầy đủ nhưng kết quả lại rất bi thảm. Quan hệ giữa người Mỹ da trắng và người Mỹ da đen cực kỳ căng thẳng trong suốt thời kỳ này. Đặc biệt khi Thời kỳ Tái thiết chấm dứt vào năm 1877, giới chủ đất miền Nam áp đặt một thể chế mới nhằm tước bỏ quyền công dân của người da đen và theo đuổi chủ trương phân biệt chủng tộc. Những chủ nô lệ da trắng không lúc nào không tìm cách trở lại ngôi vị chủ nhân trên lãnh thổ của mình và bắt “bọn mọi đen” trở lại với thân phận nô lệ. Ý chí đó được thể hiện một cách trắng trợn bằng việc thành lập tổ chức Ku Klux Klan với mục đích hăm dọa người da đen và trước hết đẩy họ ra xa các hòm phiếu. Tổ chức này hoạt động tích cực trong thời kỳ 1866 và 1869 và có nhiều trường hợp chúng bắt người da đen ra thiêu sống.

Dần dần, sự chiếm đóng của quân đội miền Bắc với miền Nam được nói lỏng. Đồng thời, các bang miền Nam lần lượt lật đổ những cơ quan Lập pháp theo Đảng Cộng hoà (tức là các cơ quan có đại diện của người da đen bên cạnh những đại biểu da trắng) đã được lập ra dưới sức ép của chính quyền liên bang. Một trong những việc làm đầu tiên của Tổng thống Hayes lên thay Tổng thống Grant đã mãn hạn hai nhiệm kỳ vào tháng 4/1877 là rút hết đơn vị quân đội liên bang còn lại ở miền Nam. Như vậy, chính quyền liên bang do Đảng Cộng hoà đặt ra ở miền Nam từ năm 1865 đã thừa nhận bất lực trong việc áp đặt cho miền Nam ngoan cố, sự bình đẳng giữa những người nô lệ da đen vừa được giải phóng. Trên bình diện chủng tộc (không phải là bình diện kinh tế) những người miền Nam chiến bại nay lại trở thành người chiến thắng, dù chỉ là một nửa.

Trong vòng một phần tư thế kỷ nối tiếp sau đó, quyền bầu cử của người da đen ở miền Nam thực tế không còn nữa. Các Tu chính án nhằm đảm bảo quyền lợi và sự tự do sau khi được giải phóng của người da đen cũng trở thành tờ giấy lộn. Vào khoảng năm 1900, đối với quyền lợi mà mọi người cho rằng “quyền trời ban”, người da đen ở miền Nam hoàn toàn không được hưởng gì cả. Hơn nữa, những phong trào đấu tranh cho tự do, quyền lợi của người da đen cũng lắng hẳn xuống. Phải chờ đến khi dự án về “Quyền lợi công dân” mà Tổng thống Kenedy đã đề ra được chính tay Tổng thống kế nhiệm là Lindon Johnson (1963) thông qua. Theo luật này, ngoài việc quyết định Chính phủ bỏ tiền để triệt tiêu sự cách ly về mặt chủng tộc ở các trường học và ngăn cấm sự kỳ thị dân tộc ở những nơi công cộng, đối với chủ doanh nghiệp, nếu có thái độ kỳ thị dân tộc, thì chính phủ sẽ không ký những hợp đồng thuộc về Quốc phòng (những hợp đồng thường mang nhiều lợi ích béo bở). Trước đó, Quốc hội đã thông qua “Luật về quyền bỏ phiếu” mang đến cho người da đen quyền được bầu cử. Đến đây thì chế độ cách ly chủng tộc kéo dài hàng trăm năm qua ở nước Mỹ đã được bãi bỏ. Quan niệm kỳ thị chủng tộc ít nhất cũng

<sup>9</sup> Howard Cincotta: *Khái quát về lịch sử nước Mỹ (An Outline of American History)* - Nguyễn Chính và Cao Xuân Biên - dịch và hiệu đính, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 205.



không thể xuất hiện ở các cơ quan nhà nước. Vào những năm 1966 - 1968, trong số người da đen lại xuất hiện một nhóm cực đoan có những hành động khủng bố, giết người, đốt nhà... Nhưng mặt khác, đại đa số người da đen vẫn bình tĩnh tạo lịch sử cho mình. Họ đã nghiêm túc đăng ký vào danh sách cử tri, nghiêm túc bỏ phiếu, nghiêm túc học hỏi và làm việc, bước những bước vững vàng vào dòng chảy của xã hội để tranh thủ địa vị bình đẳng cho mình.

### 5. Những thắng lợi đạt được của người da đen ở Mỹ

Trong suốt một phần tư thế kỷ từ khi thông qua Đạo luật quyền bỏ phiếu, sức mạnh chính trị của người da đen ngày càng lớn mạnh và đây được coi là một vũ khí chiến lược trong cuộc chiến đấu không ngừng để có được sự bình đẳng hoàn toàn. Kể từ năm 1965, hầu như trên mọi lĩnh vực, người da đen đã tham gia đầy đủ và đạt được những bước tiến vượt bậc, đặc biệt là trong các hoạt động chính trị. Từ con số chưa đến 500 quan chức người da đen được bầu vào năm 1965, giờ đã có hơn 7.500 quan chức được bầu. Tại hai thành phố lớn nhất nước Mỹ là New York và Los Angeles, cũng như tại Philadelphia, Detroit, Washington và hơn 100 thành phố khác trong cả nước, phụ nữ và nam giới da đen giữ các chức vụ thị trường thành phố. Nhìn chung, người Mỹ da đen tham gia tích cực vào các hoạt động chính trị hơn các nhóm thiểu số khác với tỷ lệ cử tri đi bầu luôn ở mức cao. Trong những thập niên gần đây, họ cũng nắm giữ các vị trí quan trọng trong bộ máy tư pháp và trong chính quyền Hoa Kỳ; ngoài Clarence Thomas là người Mỹ da đen thứ nhì (sau Thurgood Marshall) được bổ nhiệm vào Viện Tư pháp tối cao Hoa Kỳ năm 1991, thì Colin Powell là người Mỹ da đen đảm nhiệm chức vụ thuộc hàng quan trọng thứ hai trong chính phủ liên bang, Powell được bổ nhiệm Ngoại trưởng Hoa Kỳ năm 2000, sau khi phục vụ trong cương vị Cố vấn An ninh Quốc gia (1987-1989) và Chủ tịch Liên quân (1989-1993). Người kế nhiệm Powell trong chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao từ năm 2004 là người Condoleezza Rice, phụ nữ Mỹ da đen đầu tiên phục vụ chính phủ trong vị trí này; trước đó Rice là Cố vấn An ninh Quốc gia cho Tổng thống George W. Bush nhiệm kỳ 2000-2004. Thắng lợi đỉnh điểm của người da đen ở Mỹ được đánh dấu bằng việc Barack Obama trúng cử Tổng thống Mỹ vào tháng 11/2008 và tuyên thệ nhậm chức vào tháng 1/2009. Barack Obama là Tổng thống thứ 44, Tổng thống người da đen đầu tiên của nước Mỹ. Chiến thắng của ông là sự đền đáp xứng đáng cho những nỗ lực đấu tranh đòi quyền bình đẳng không mệt mỏi của cộng đồng người da đen ở Mỹ.

Về kinh tế, dù nhiều người Mỹ gốc Phi vẫn sống dưới mức nghèo nhưng những chỉ số gần đây cho thấy khoảng cách giàu nghèo đang thu hẹp dần. Kể từ cuối thập niên 1990, mức lợi tức của người da đen gia tăng đáng kể - thành phần hạ lưu đang thu hẹp dần trong khi số lượng người Mỹ da đen gia nhập tầng lớp trung lưu có chiều hướng tăng lên và đến đầu những năm 1990 chiếm trên 20% tổng số người Mỹ da đen so với 15% năm 1970<sup>10</sup>. Họ có nhà riêng, có ô tô riêng, đủ tiền cho con cái vào học các trường

<sup>10</sup> Ninh Hoà: *Người da đen ở Mỹ hiện nay*, Tạp chí châu Mỹ ngày nay, số 6 - 1996, tr. 43.

Đại học có tiếng tăm. Hơn 1,7 triệu người Mỹ da đen đã vượt qua ngưỡng nghèo; khoảng cách giữa mức lợi tức của phụ nữ da đen và phụ nữ da trắng nay chỉ còn một vài phần trăm; tỷ lệ thất nghiệp ở người da đen trong những năm gần đây ở dưới mức 10%. Tỷ lệ người nghèo từ 26,5% trong năm 1998 còn 24,7% năm 2004. Theo danh sách những người Mỹ da đen giàu nhất do Tạp chí Forbes công bố tháng 5/2009 vừa qua, Nữ hoàng truyền hình Oprah Winfrey là người đứng đầu với tài sản trị giá 2,7 tỷ USD<sup>11</sup> song cũng không là gì khi so sánh với con số 40 tỉ USD<sup>12</sup> trị giá tài sản của Bill Gates trong năm 2009, khi Gates được xếp thứ nhất trong danh sách những người Mỹ da trắng giàu nhất trong 15 năm liên tiếp tính cho tới nay.

Đây là quả là những hiện tượng mà 10-15 năm trước đây khó có thể tưởng được ra được với những người Mỹ da đen. Phải trải qua những cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ, đến nay người Mỹ da đen mới dành được quyền công dân sơ đẳng và có quyền bình đẳng với người da trắng, như có quyền ngồi cùng bàn với người da trắng trong các quán ăn, có quyền ngồi ở các hàng ghế trên trong xe ô tô buýt công cộng mà không bị xua đuổi, đánh đập như trước kia.

## 6. Những vấn đề còn tồn tại

Dù chế độ nô lệ và chế độ phân biệt chủng tộc ở Mỹ đã đi vào quá khứ nhưng nhiều người Mỹ da đen vẫn thấy nhiều vấn đề kinh tế xã hội với họ vẫn tồn tại sự phân biệt (dưới những hình thức tinh vi hơn trước) và người da đen vẫn chịu thiệt thòi hơn so với người da trắng. Và dù những cơ hội chưa từng có đã giúp người Mỹ da đen tiếp cận hệ thống giáo dục đại học và tuyển dụng nhân lực, do những tàn dư của chế độ nô lệ và sự kỳ thị chủng tộc, người da đen vẫn là một cộng đồng tụt hậu về kinh tế, giáo dục và xã hội nếu so sánh với người da trắng. Các vấn đề nan giải về chính trị, kinh tế, xã hội đối với người Mỹ da đen là việc khó tiếp cận các chương trình chăm sóc sức khỏe, chủ nghĩa chủng tộc trong các định chế, phân biệt trong gia cư, giáo dục, cảnh sát, tư pháp và nhân dụng; cũng có các vấn nạn về nghèo khổ và bị lạm dụng. Nghèo khổ là vấn nạn lớn khi liên quan đến các tổn thương tinh thần trong cuộc sống hôn nhân và biện pháp giải quyết, các vấn đề về sức khỏe, trình độ học vấn thấp, mất quân bình trong các chức năng tâm lý và tội phạm. Năm 2004, có 24,7% gia đình người Mỹ da đen được xem là sống dưới mức nghèo. Người da đen cực nghèo thu nhập thấp hơn 3 lần so với người da trắng cực nghèo. Trong năm 2005, có 4,3 triệu người Mỹ cực nghèo là người da đen<sup>13</sup>.

Ảnh hưởng của các hoạt động tội phạm như giết người, buôn ma tuý và trộm cắp khiến các cộng đồng người Mỹ da đen càng nghèo khổ hơn và đang là một vấn đề nghiêm trọng. Một số thống kê cho thấy, người Mỹ da đen phạm tội giết người, bị giết

<sup>11</sup> 10 người Mỹ da đen giàu nhất, <http://www.baodatviet.vn/Home/10-nguoi-Mỹ-da-den-giau-nhat/20095/41196.datviet>.

<sup>12</sup> Những tỷ phú giàu nhất hành tinh năm 2009, <http://vneconomy.vn/20090312085634562P0C5/nhung-ty-phu-giau-nhat-hanh-tinh-nam-2009.htm>.

<sup>13</sup> Số người cực nghèo ở Mỹ cao kỷ lục, [http://www.tapchiconsan.org.vn/details.asp?Object=6&News\\_ID=19949851](http://www.tapchiconsan.org.vn/details.asp?Object=6&News_ID=19949851).

hoặc bị giam giữ nhiều hơn bảy lần người da trắng. Tuy vậy, các cuộc nghiên cứu khác chỉ ra rằng sẽ là sai lầm nếu nối kết nguồn gốc chủng tộc với mức phạm tội cao, nhưng có lẽ trình độ học vấn và địa vị xã hội là nguyên nhân dẫn đến tình trạng này. Tỷ lệ các vụ sát nhân và các hình thức bạo hành khác của người Mỹ da đen là cao hơn so với các cộng đồng dân cư da trắng hoặc các chủng tộc khác có chung hoàn cảnh (tụt hậu về kinh tế). Họ thường là đối tượng của việc phân loại hồ sơ dựa theo yếu tố chủng tộc, cũng dễ bị coi là hình mẫu tiêu cực trong xã hội.

Như vậy, ở ngay tại nước Mỹ giàu có và văn minh, sự phân biệt chủng tộc tuy có bị đẩy lùi, nhưng chưa hoàn toàn bị loại trừ ra khỏi đời sống xã hội Mỹ, mà vẫn còn tồn tại trong nhiều lĩnh vực, dưới nhiều hình thức và góc độ khác nhau.

**Tóm lại**, chế độ nô lệ (1791-1865) - được coi là một “vết nhoe” trong lịch sử của nước Mỹ. Sau khi nô lệ được giải phóng, đa số những người Mỹ da trắng vẫn chủ trương quan niệm rằng công dân da trắng với công dân da đen tuy bình đẳng nhưng khác biệt và các bang miền Nam vẫn ban hành những luật lệ kỳ thị cấm những người Mỹ da đen lai vãng tới các khu công cộng dành cho người Mỹ da trắng. Có vẻ như người Mỹ da trắng vẫn coi họ là “công dân hạng nhì” trong xã hội. Tình trạng kỳ thị trên kéo dài cho tới sau chiến tranh thế giới thứ hai, khi người Mỹ da đen thức tỉnh và bắt đầu phản kháng đòi quyền bình đẳng về quyền lợi chính trị và kinh tế với người Mỹ da trắng. Đại diện cho họ là mục sư Martin Luther King, người dẫn đầu các cuộc biểu tình tranh đấu cho người da đen quyền bầu cử. Trước xu thế giải phóng của thời đại, để giữ uy tín cũng như lý do nội bộ, một loạt các đạo luật gọi chung là Luật dân quyền đã được Quốc hội Mỹ ban hành trong những năm 1957, 1960, 1964, 1965, 1968, tất cả đều nhằm mục đích đem lại sự công bằng hoặc nâng đỡ các sắc tộc Mỹ thiểu số, chủ yếu là người da đen. 160 năm qua, người da đen đã phải đấu tranh liên tục mới có được quyền này. Nhưng sự thật là sau khi các đạo luật dân quyền ra đời, một bản báo cáo đầy đủ nhất của chính phủ liên bang về tình trạng phân hóa chủng tộc vẫn còn kết luận rằng “Đất nước chúng ta đang biến thành hai xã hội, một trắng một đen, cách biệt và không bình đẳng”. Cho đến giai đoạn gần đây, tuy địa vị của những người Mỹ da đen đã được cải thiện nhiều và họ cũng đã giành được những vị trí xứng đáng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội nhưng nhìn chung đây không phải là số đông. Tình trạng đói nghèo, bệnh tật và các tệ nạn xã hội, chiếm tỷ lệ lớn vẫn là những người Mỹ da đen. Về tâm lý xã hội, giữa họ vẫn có những khoảng cách lớn trong quan hệ. Hay nói cách khác, nước Mỹ vẫn còn nhiều vấn đề về nhân quyền cần phải giải quyết. Như vậy, chế độ nô lệ kéo dài trong lịch sử đã để lại những di chứng bệnh lý xã hội trong cả người da đen và cả người da trắng ở Mỹ, và có lẽ phải mất thêm nhiều thập kỷ nữa hố sâu ngăn cách này mới được xóa bỏ.